

Bản án số: 412/2017/ HSST

Ngày 21/11/2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Khắc Mã

2. Ông Trần Quảng Thái

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân, Cán bộ
Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên
tòa:* Bà Nguyễn Thị Bình Nguyên, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2017, tại Hội T Trung tâm Chữa bệnh – Giáo dục –
Lao động xã hội thành phố Thái Nguyên, Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên,
tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 419/2017/HSST, ngày
02 tháng 11 năm 2017, đối với bị cáo:

Vũ Ngọc T, sinh ngày: 05/06/1972

ĐKNKTT: Tổ B, phường H, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

Trú tại: Tổ Q, phường Đ, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Văn hoá: lớp 11/12;
Nghề nghiệp: Không; Con ông: Vũ Ngọc S (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị N, sinh
năm: 1950; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là thứ nhất; có vợ là: Ngô Thị K, sinh
năm 1972; chưa có con. Tiền án, Tiền sự: Không có.

Nhân thân: - Tại bản án số 106/1996/HSST, ngày 28/6/1996 Tòa án nhân
dân tỉnh Bắc Thái xử phạt 12 tháng tù giam về tội “ Tổ chức dùng chất ma túy”.

- Tại bản án số 69/2011/HSPT, ngày 26/5/2011 Tòa án nhân dân tỉnh Thái
Nguyên xử phạt 03 năm tù về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/8/2017 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

Người làm chứng:

1. Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1981(vắng mặt tại phiên tòa)

Trú tại: Tổ Q, phường Đ, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

2. Hà Việt D, sinh năm 1962 (vắng mặt tại phiên tòa);
Trú tại: K, phường H, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN THẤY

Bị cáo Vũ Ngọc T bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 18/8/2017, tổ công tác của Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Thái Nguyên đang làm nhiệm vụ khu vực tổ Q của phường Đ phát hiện 01 người đàn ông đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Dream, BKS 20F3-1826 có biểu hiện liên quan đến ma túy. Tổ công tác tiếp cận, yêu cầu dừng xe để kiểm tra, người đàn ông này chấp hành và khai tên Vũ Ngọc T. Quá trình kiểm tra, tổ công tác phát hiện thu giữ tại túi quần sau bên trái T đang mặc 01 túi nilon màu trắng, bên trong chứa chất bột màu trắng (T khai là Hêrôin). Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T và niêm phong vật chứng theo quy định. Ngoài ra còn thu giữ của T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen và 01 chiếc xe mô tô như trên.

Hồi 13 giờ ngày 18/8/2017, tiến hành khám xét chỗ ở của Vũ Ngọc T tại tổ Q, phường Đ, thành phố TH. Cơ quan điều tra phát hiện thu giữ 19 gói nilon màu trắng, bên trong mỗi gói đều chứa tinh thể màu trắng trong túi áo vest treo trong tủ gỗ đựng quần áo kê tại buồng ngủ của T và 01 chiếc cân điện tử màu đen.

Cùng ngày, Cơ quan điều tra cân xác định trọng lượng số chất bột màu trắng thu giữ của T khi bắt quả tang có trọng lượng 3,805 gam và số chất tinh thể màu trắng thu giữ khi khám xét nhà T có trọng lượng 3,219 gam. Tại bản kết luận giám định số 943 ngày 25/8/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận số chất bột màu trắng là ma túy, loại Hêrôin và số chất tinh thể màu trắng là chất ma túy, loại Methamphetamine.

Về nguồn gốc ma túy, Vũ Ngọc T khai nhận: Bản thân nghiện chất ma túy nên ngày 14/8/2017, T đi từ nhà đến khu vực cổng tòa nhà chung cư Tiến Bộ thuộc tổ B, phường H, thành phố TH để mua ma túy (Hêrôin) sử dụng cho bản thân. Tại đây, T gặp và mua của một người phụ nữ không quen biết 01 gói Hêrôin với giá 2.600.000 đồng. Sau đó, T mang ma túy về nhà tại tổ Q, phường Đ, thành phố TH. Khoảng 12 giờ ngày 18/8/2017, T điều khiển xe mô tô BKS 20F3 – 1826 đến đoạn đường Việt Bắc, khi đi T cất giấu gói Hêrôin mà T đã mua ngày 14/8/2017 trong túi quần bên trái phía sau T đang mặc với mục đích để sử dụng dần cho bản thân thì bị tổ công tác của Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Thái Nguyên phát hiện bắt quả tang, thu giữ, niêm phong vật chứng như nêu trên.

Đối với 19 gói ma túy đá (Methamphetamine) bị thu giữ trong quá trình khám xét chỗ ở của T khai là một người đàn ông tên C (không rõ lai lịch địa chỉ) cho T vào ngày 08/8/2017 tại khu vực bên xe khách Thái Nguyên mới với mục đích để sử dụng dần cho bản thân. Ngoài ra, không có mục đích gì khác.

Vật chứng của vụ án là: 02 bì niêm phong ký hiệu T1, L1; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA vỏ màu đen, số IMEI 1: 357168068577661; số

IMEI 2: 357168068577679 và 01 chiếc cân điện tử màu đen. Hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Tại bản cáo trạng số 433/KSĐT-MT ngày 01/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã truy tố Vũ Ngọc T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận: Số ma túy bị thu giữ trong người Vũ Ngọc T ngày 18/8/2017 là của bị cáo mua về để sử dụng cho bản thân, đối với số ma túy thu giữ tại chỗ ở của bị cáo là của bị cáo được đối tượng khác cho để sử dụng. Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo không có ý kiến gì và nhất trí với kết luận giám định do cơ quan chuyên môn đã thực hiện.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

*** Về hình phạt:** Áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 BLHS 1999; khoản 3, Điều 7, khoản 1 Điều 249 BLHS 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, xử phạt bị cáo Vũ Ngọc T từ 04 đến 05 năm tù giam. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

*** Vật chứng của vụ án:** Áp dụng Điều 41 BLHS, Điều 76 BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy 02 bì niêm phong ký hiệu T1, L1; 01 chiếc cân điện tử màu đen.
- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA vỏ màu đen.

*** Về án phí:** Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận thừa nhận việc truy tố, xét xử là không oan, đối với bị cáo là đúng người, đúng tội. Bị cáo xin giảm nhẹ mức án để sớm đoàn tụ cùng gia đình.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản mở niêm phong, cân xác định trọng lượng, kết luận giám định, lời khai của người làm chứng và những chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận: khoảng 12 giờ ngày 18/8/2017 tại khu vực tổ Q phường Đ, thành phố TH, Vũ Ngọc T có hành vi cất giữ trong người 3,805 gam Hêrôin. Đồng thời ngày 18/8/2017, Vũ Ngọc T còn có hành vi cất giữ tại nơi ở tổ Q, phường Đ, thành phố TH, 3,219 gam Methamphetamine với mục đích để sử dụng cho bản thân. Hành vi của bị cáo Vũ Ngọc T đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 BLHS. Viện kiểm sát nhân dân

thành phố Thái Nguyên truy tố bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Khoản 1 Điều 194 BLHS quy định: “*Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm*”.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền về ma túy của nhà nước, ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự của địa phương, ảnh hưởng đến sức khỏe, kinh tế của bản thân bị cáo. Ngoài ra, hành vi của bị cáo còn là nguyên nhân dẫn đến căn bệnh thế kỷ HIV – AIDS, là một trong những nguồn gốc làm phát sinh các tội phạm khác. Hành vi của bị cáo cần thiết phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét tính chất mức độ của vụ án, nhân thân bị cáo thấy rằng: Trong vụ án này bị cáo tàng trữ lượng ma túy tương đối nhiều, đã dạng về chủng loại ma túy, trong người bị cáo lúc nào cũng mang theo ma túy... cơ quan điều tra còn thu được cả cân điện tử phục vụ cho việc cân ma túy. Điều đó cho thấy tính chất phức tạp của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy từ năm 1996 đến nay, tuy được xác định chưa có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu đã hai lần bị xử phạt tù giam về tội phạm ma túy nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện, tu dưỡng bản thân mà tiếp tục phạm tội với tính chất mức độ ngày càng tinh vi nguy hiểm hơn. Xét thấy cần có một mức án tương xứng với tội trạng mà bị cáo đã gây ra, buộc cách ly xã hội một thời gian để cải tạo bị cáo thành người lương thiện. Khi lượng hình, Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau: bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 48 BLHS, được hưởng một tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS.

Tại Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định về tội “Tàng trữ trái phép chất ma hình” có mức phạt tù nhẹ hơn so với Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Do vậy áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo theo khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13, Nghị quyết số 41/2017/QH14, về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tổ tụng hình sự số 101/2015/QH14, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13, giảm một phần hình phạt để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật mà cải tạo tốt.

Mức án mà vị đại diện Viện Kiểm sát đề nghị nêu trên là phù hợp.

Tại phiên tòa, bị cáo khai thu nhập hàng tháng là 6.000.000đ và số tiền 2.600.000đ mà bị cáo dùng mua ma túy cũng lấy từ nguồn thu nhập đó. Do đó có căn cứ để áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 194 BLHS mới đảm bảo tác dụng đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra thu giữ 02 bì niêm phong ký hiệu T1, L1, xét đây là vật chứng phạm tội cần tịch thu tiêu hủy; 01 chiếc cân điện tử màu đen, bị cáo sử dụng vào cân ma túy, không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy. Thu 01 chiếc điện thoại di động nhãn

hiệu NOKIA vỏ màu đen, số IMEI 1: 357168068577661; số IMEI 2: 357168068577679 của bị cáo, không liên quan đến vụ án cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Ngọc T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

1. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13; Nghị quyết số 41/2017/QH14, xử phạt:

- Vũ Ngọc T 4 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/8/2017.

Căn cứ Điều 228 BLTTHS: Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày (bốn mươi lăm ngày) kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 194 BLHS: Phạt bị cáo 5.000.000đ (năm triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự: Tịch thu tiêu hủy 02 bì niêm phong ký hiệu T1, L1; 01 chiếc cân điện tử màu đen.

Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA vỏ màu đen, số IMEI 1: 357168068577661; số IMEI 2: 357168068577679 (Tình trạng vật chứng như trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 40 ngày 03/11/2017).

T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

4. Án phí: Căn cứ Điều 99 BLTTHS; Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ –UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí HSST vào ngân sách nhà nước.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TPTN
- TAND tỉnh TN
- Công an TPTN
- THADS TPTN
- Bị cáo.
- L- u hồ sơ
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hà